

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-10-2018.

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Long Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Vi Hải So;

2. Ông: Đàm Danh Tuyên.

- Th- ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-9-2018, giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị K, sinh năm 1976;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Xuân L, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng;

Địa chỉ nơi lưu trú và nơi làm việc hiện tại: Số nhà 244, đường 16 B, tổ Dân phố Q, thị trấn S, huyện D, tỉnh Tuyên Quang; (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông: Lương Quang T (có mặt);

Bà: Vũ Hồng H (vắng mặt);

Ông Lương Quang T và bà Vũ Hồng H là Luật sư của Chi nhánh Luật sư An Thái SD (thuộc Văn phòng Luật sư An T, Đoàn Luật sư Thành phố H);

Địa chỉ: Tổ DP, thị trấn S, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Vi Hải T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ Xuân L, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 02-5-2018 và các ý kiến tiếp theo, nguyên đơn bà Nông Thị K trình bày:

Bà kết hôn với ông Vi Hải T từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là thị trấn X), huyện H, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2010 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn (theo đơn khởi kiện). Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai thì bà K lại có ý kiến mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ khi kết hôn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm lối sống, ông T là công chức nhà nước, còn Bà làm nghề buôn bán nên ông T thường xuyên coi thường, chửi bới, đánh đập Bà. Từ đó, thường xảy ra xung đột, cãi, chửi xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo, nhưng Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bà đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2017 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, Bà yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung là Vi Văn S (sinh ngày 15-02-1999), đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh, bình thường; Vi Văn Th (sinh ngày 13-3-2008) là người chưa thành niên, hiện cả hai con đều ở với ông Vi Hải T. Trong đơn khởi kiện, quan điểm của bà K về việc nuôi con khi ly hôn là đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của cháu ở với ai thì người đó nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Vi Văn Th, vì con đang ở lứa tuổi dậy thì nên rất cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Bà làm nghề buôn bán tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 (Mười triệu đồng chẵn), đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà khẳng định tất cả các chữ ký trong đơn khởi kiện và các tài liệu đều là chữ ký của Bà, đồng thời đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt Bà.

Trong bản tự khai ngày 26-7-2018 và các ý kiến khác, bị đơn ông Vi Hải T trình bày:

Về quá trình tiến tới hôn nhân giữa Ông và bà K, như nội dung bà K trình bày. Vợ chồng, con cái gia đình đầm ấm, hạnh phúc, kinh tế gia đình phát triển cho đến năm 2017. Đến tháng 10 năm 2017, bà K có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, từ đó bỏ bê công việc, ít quan tâm đến chồng con, có nhiều biểu hiện bất thường như tính tình cục cằn, tỏ thái độ không tốt, thường lấy lý do chăm sóc bố đẻ

để tạo điều kiện gặp gỡ người đàn ông khác. Khi Ông nhắc nhở thì bà K nảy sinh mâu thuẫn, xa lánh tình cảm vợ chồng. Bà K đã bỏ chồng, con ra đi khoảng từ tháng 01 năm 2018, do vậy về hôn nhân gia đình trong quá khứ nay không còn nữa, Ông tự nguyện đồng ý ly hôn với bà Nông Thị K.

Về con chung: Con Vi Văn S đã trưởng thành và lập gia đình; con Vi Văn Th chưa thành niên, hiện Ông đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, đề nghị Tòa xem xét nguyện vọng của con theo quy định của pháp luật, đồng thời xem xét về môi trường sống, học tập thuận lợi cho con phát triển. Bà K đã bỏ nhà đi sống chui lủi, không có địa chỉ cư trú rõ ràng, thu nhập cá nhân của Bà hiện tại nếu có thì cũng không ổn định, xét về toàn diện bà K không đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con Vi Văn Th, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ý kiến tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nguyên đơn để tham gia trong các giai đoạn tố tụng, Thông báo yêu cầu bên nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, bên nguyên đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như nêu trên và không có ý kiến đề nghị gì về xem xét chữ ký của bà K trong các tài liệu Bà gửi cho Tòa án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chỉ đề nghị Tòa xem xét giải quyết việc nuôi cháu Vi Văn Th theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm về thủ tục tố tụng. Về giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho các đương sự ly hôn; căn cứ nguyện vọng của con chưa thành niên, cần giao cháu Vi Văn Th cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Trích lục kết hôn giữa hai đương sự; Trích lục khai sinh con chung; Giấy xác nhận, Biên bản lấy lời khai của người làm chứng; Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên; Quyết định ủy thác thu thập, chứng cứ; Bản tự khai của đương sự, Biên bản lấy lời khai của đương sự; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của nguyên đơn; Công văn trả lời Tòa án của Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện H...

Các bên đương sự đều thống nhất về quá trình tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn, có hai con chung là Vi Văn S (sinh ngày 15-02-1999), Vi Văn Th (sinh ngày 13-3-2008), hiện tại ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng con Vi Văn Th; bà K đã bỏ nhà ra đi khỏi địa phương nơi cư trú khoảng từ cuối năm 2017, đầu năm 2018 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống ly thân. Đó là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án.

Các tình tiết các đương sự không thống nhất: Nguyên đơn cho rằng từ năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn (theo đơn khởi kiện), tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai thì bà K lại khai là mâu thuẫn đã xảy ra từ khi kết hôn, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016. Lý do ông T luôn coi thường, chửi bới, đánh đập Bà. Còn bị đơn nại rằng, mâu thuẫn vợ chồng mới xảy ra từ tháng 10 năm 2017, nguyên do bà K có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, từ đó bỏ bê công việc, tỏ thái độ không tốt và ít quan tâm đến chồng con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Hồng H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

{2} Về áp dụng pháp luật nội dung:

Ngày 02-5-2018, nguyên đơn có Đơn khởi kiện (sửa đổi, bổ sung) hợp lệ, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Do vậy, cần áp dụng Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014 đang có hiệu lực để giải quyết vụ án.

{3} Bà Nông Thị K và ông Vi Hải T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là thị trấn X) trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

{4} Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng bị đơn luôn chửi bới, đánh đập Bà dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng...Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo yêu cầu nguyên đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của

nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, bên nguyên đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không đưa ra được chứng cứ để chứng minh.

{5} Do các bên đương sự không thu thập và giao nộp tài liệu, chứng cứ, vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác để giải quyết vụ án theo định của pháp luật.

{6} Quá trình thu thập lời khai của người làm chứng đã xác định được việc bà K bỏ chồng, con, bỏ nhà ra đi khỏi địa phương khoảng từ cuối năm 2017, đầu năm 2018 cho đến nay là sự thật. Tại Giấy xác nhận của người làm chứng (bút lục 93) đã xác nhận việc bà K có mối quan hệ tình cảm không minh bạch và bỏ nhà ra đi. Như vậy, ý kiến của bị đơn đưa ra là có căn cứ.

{7} Tòa xét thấy, các đương sự không thống nhất về nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thời điểm mâu thuẫn. Nhưng cùng xác nhận là bà K đã bỏ nhà ra đi đến nay và kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu và quan tâm đến nhau. Mặc dù đã được gia đình, người khác khuyên giải đoàn tụ nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa hai đương sự vẫn không thể hàn gắn. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cũng đã triệu tập nguyên đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng nguyên đơn từ chối không tham gia hòa giải. Bị đơn cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

{8} Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để kết luận tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

{9} Về con chung: Con cả Vi Văn S đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh, lao động bình thường nên không thuộc trường hợp Tòa án phải xem xét, giải quyết. Con thứ hai Vi Văn Th (sinh ngày 13-3-2008), các đương sự đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

{10} Từ những chứng cứ đã thu thập được đều xác định, sau khi bà K bỏ nhà đi thì hai con đều sống với ông Vi Hải T, có nhà ở ổn định, cháu Th học ở trường gần nhà và do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét về điều kiện kinh tế, thì ông T và bà K đều có thu nhập (Ông T là cán bộ nghỉ hưu, hiện cùng gia đình con cái kinh doanh, bà K làm nghề buôn bán).

{11} Bên cạnh đó, cũng cần phải xem xét đến nguyện vọng của con chưa thành niên. Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 04-7-2018, cháu Vi Văn Th có nguyện vọng muốn sống với anh trai và Bố trong trường hợp nếu Bố, Mẹ ly hôn, với lý do Cháu muốn ở với anh S (vì anh S sống với Bố) và muốn theo học ở trường cũ (Trường

Tiểu Học L). Xem xét nguyện vọng này của cháu Th phù hợp với nội dung Công văn số 39/CV-UBND ngày 14-9-2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn X xác nhận. Đó là những căn cứ để Tòa xem xét giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng. Tòa xét thấy, để bảo đảm cho sự phát triển tâm, sinh lý và quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân - Gia đình cần giao cháu Vi Văn Th cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

{12} Xét thấy việc ông T không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, ngoài ra ông T có đủ thu nhập đảm bảo nuôi con ăn học, do đó Tòa ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn.

{13} Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Tòa ghi nhận.

{14} Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án như trên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó Tòa chấp nhận.

{15} Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 147, 203, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nông Thị K và bị đơn ông Vi Hải T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Vi Văn Th (sinh ngày 13-3-2008) cho ông Vi Hải T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về việc nuôi con.

Xác nhận, hiện tại con Vi Văn Th đang ở với ông Vi Hải T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vi Hải T không yêu cầu bà Nông Thị K cấp dưỡng nuôi con Vi Văn Th.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản:

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc nguyên đơn bà Nông Thị K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai số 000960 ngày 06-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng. Bà Nông Thị K không phải nộp thêm.

Tr- ờng hợp Bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thị trấn X (để ghi vào Sổ Hộ tịch);
- VKSND huyện Hà Quảng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS huyện Hà Quảng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Long Thị Thanh

